

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/9/2023
Về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thanh Thúy, bà Đoàn Thị Thúy.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hà Mai Chi, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06/7/2023 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H (Trần Thu H), sinh năm 1975. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 1, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện nay: Tiểu khu 6, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Mạnh H, sinh năm 1971. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 4, phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội 20, phân trại số 3, Trại giam Y, Cục C10, Bộ Công an; đóng tại huyện P, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Mạnh H đăng ký kết hôn ngày 23/10/2006, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc. Vợ chồng anh chị chung sống tại tổ 1 phường T, thành phố Sơn La; đến năm 2018 thì anh H chuyển đăng ký thường trú về cùng hộ gia đình bà Lưu Thị P (mẹ đẻ anh H) tại tổ 4 phường T, thành phố Sơn La. Quá trình vợ chồng chung sống luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh H nghiện ma túy, phải đi cai nghiện bắt

buộc và đã bị xử phạt tù 3 lần. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Mạnh H.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Phạm Trần Phương N, sinh ngày 21/9/2007. Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nghề nghiệp của chị làm kinh doanh, thu nhập đủ nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.

Tại Bản tự khai, bị đơn anh Phạm Mạnh H trình bày:

Anh nhất trí với lời khai của chị H về phần kết hôn. Quá trình kết hôn anh chị đã sống ly thân từ năm 2015. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh chị có một con chung Phạm Trần Phương N, sinh ngày 21/9/2007. Anh có nguyện vọng cho con ở với mẹ.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Anh chị không nợ ai.

Do anh H đang chấp hành hình phạt tù, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ và các thủ tục tố tụng khác.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về xét xử vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phạm Mạnh H.

Về con chung: Xử cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Trần Phương N, sinh ngày 21/9/2007 đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đề nghị không hòa giải. Bị đơn đã có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị H và anh Phạm Mạnh H kết hôn với nhau năm 2006, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh H sử dụng ma túy, nhiều lần đi cai nghiện và chấp hành hình phạt tù, anh chị đã ly thân nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn. Xét căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Trần Thị H ly hôn với anh Phạm Mạnh H.

[3] Về con chung:

Anh chị có một con chung là Phạm Trần Phương N, sinh ngày 21/9/2007. Chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nghề nghiệp của chị làm nghề kinh doanh, thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng, học tập của con. Hiện con chung của anh chị đang ở với mẹ. Cháu Phạm Trần Phương N có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H nhất trí với ý kiến của chị H và con.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con chung của anh chị cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Phạm Mạnh H.

2. Về con chung:

Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Trần Phương N, sinh ngày 21/9/2007, đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Phạm Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002691 ngày 06/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- UBND phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (để ghi vào kết quả hộ tịch, khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh